

Số: 13/2024/QĐST-VHNGĐ

Sâm Sơn, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-VHNGĐ ngày 12/3/2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị Q - sinh năm 1991;

Địa chỉ: SN 93 N, tổ dân phố H, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Lưu Văn H - sinh năm 1985;

HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội

Hiện trú tại: Số 45 ngõ 898 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Lưu Văn H kết hôn với nhau năm năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc vui vẻ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau, vợ chồng không quan tâm nhau. Từ giữa năm 2018 anh chị đã chị ly thân nhau cho tới nay, quá trình ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Nay anh chị không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị Q và anh Lưu Văn H có một con chung là cháu Lưu Diệp Hà T, sinh ngày 23/5/2018. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, xét

thấy nên chấp nhận là đúng với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị Q, anh H thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Anh, chị thỏa thuận chị Lê Thị Q nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có ai thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Lưu Văn H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Q, anh H có một con chung là cháu Lưu Diệp Hà T, sinh ngày 23/5/2018. Ly hôn giao cháu Hà T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Q, anh H không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Lê Thị Q nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0004800 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (chị Q đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã B, huyện S, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Thị Hà